

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04/3/2025

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hoa

Bà Phạm Thanh Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến tại các điểm cầu: Điểm cầu Trung tâm tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang; điểm cầu thành phần đặt tại nơi đương sự (ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai). Vụ án thụ lý số 156/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về "ly hôn, tranh chấp nuôi con chung".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị T**, sinh năm 1999

Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Phan Văn T1**, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Văn T1 tự tìm hiểu nhau, sau đó tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/5/2020. Vợ chồng chung sống được

khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng không hòa hợp nhau về suy nghĩ, tính cách, thường hay cãi nhau. Anh T1 hay uống rượu bia về ghen tuông, chửi bới xúc phạm, có khi còn đánh chị. Vì thương con nên chị cố gắng nhẫn nhịn, cho cơ hội hàn gắn nhưng nhiều lần không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt hơn. Gia đình hai bên có khuyên nhủ nhưng cũng không có kết quả. Do không chịu đựng được nữa nên chị đã dọn về nhà cha mẹ ruột ở và vợ chồng đã ly thân gần 02 năm nay. Chị và anh T1 không còn tình cảm với nhau, không ai quan tâm gì đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục sống chung và xây dựng gia đình nên chị làm đơn xin ly để mỗi người có cuộc sống riêng.

Về con chung: chị và anh T1 có 02 người con chung là Phan Trọng P, sinh ngày 25/02/2016 (đang sống với anh T1, có nguyện vọng sống với anh T1) và Phan Thị Hồng P1, sinh ngày 30/5/2019 (đang sống với chị). Hiện nay các con được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng P1, còn anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng P, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

Về tài sản chung: chị xác định chị và anh T1 không có tài sản chung, không phát sinh tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: chị xác định chị và anh T1 không có nợ chung, không phát sinh tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Bị đơn anh Phan Văn T1 vắng mặt, không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, riêng bị đơn anh T1 vắng mặt tại phiên họp và phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, giao cháu P1 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu P cho chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T1 vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp

dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T1.

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị T và anh T1 chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 2020 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Nguyên nhân dẫn đến ly hôn, chị T cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không hòa hợp nhau về suy nghĩ, tính cách, thường hay cãi nhau. Anh T1 hay uống rượu bia về ghen tuông, chửi bới xúc phạm, có khi còn đánh chị. Vì thương con nên chị cố gắng nhẫn nhịn, cho cơ hội hàn gắn nhưng nhiều lần không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt hơn. Gia đình hai bên có khuyên nhủ nhưng cũng không có kết quả. Anh chị đã ly thân từ năm 2023, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Còn anh T1 vắng mặt, không có ý kiến, không tham gia các phiên họp và phiên tòa sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình chung sống với nhau chị T và anh T1 có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, nhưng không khắc phục được.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng, Hội đồng xét xử có căn cứ để cho rằng hôn nhân giữa anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, anh chị đã sống ly thân thời gian dài nhưng không khắc phục được mâu thuẫn để vợ chồng tiếp tục chung sống nên không có khả năng đoàn tụ. Do đó, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh T1.

[4] Về con chung, chị T và anh T1 có 02 người con chung là Phan Trọng P, sinh ngày 25/02/2016 (đang sống với anh T1, có nguyện vọng sống với anh T1) và Phan Thị Hồng P, sinh ngày 30/5/2019 (đang sống với chị T). Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng P1, còn anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng P. Xét thấy, chị T và anh T1 có đủ điều kiện nuôi con, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của con nên Hội đồng xét xử chấp nhận để chị T được tiếp tục nuôi dưỡng P1, còn anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng P. Anh chị có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Trường hợp anh chị vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh chị có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng, không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị T xác định anh chị không có nợ chung, tài sản chung, không phát sinh tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí, nguyên đơn chị T phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Phan Văn T1.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Phan Trọng P, sinh ngày 25/02/2016 cho anh T1 được trực tiếp nuôi dưỡng.

Tiếp tục giao cháu Phan Thị Hồng P1, sinh ngày 30/5/2019 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh chị có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Trường hợp anh chị vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh chị có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng, không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị T xác định anh chị không có, không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí xin ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0005141 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Bảnh